

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2019
(Kèm theo Công văn số 468/TC ngày 04 / 4 /2019 của phòng TCKH)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.000.600.000.000	633.224.611.667	21,10%	100,87%
I	Thu nội địa	3.000.600.000.000	633.224.611.667	21,10%	100,87%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	6.000.000.000			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.800.000.000			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.037.200.000.000	250.116.924.175	24,11%	115,02%
4	Thuế thu nhập cá nhân	433.600.000.000	75.262.916.100	17,36%	97,73%
5	Thuế bảo vệ môi trường		59.562.000		234,50%
6	Lệ phí trước bạ	337.000.000.000	80.857.878.749	23,99%	112,35%
7	Lệ phí môn bài	36.000.000.000	32.160.466.298	89,33%	113,74%
8	Thu phí, lệ phí	54.000.000.000	12.611.937.631	23,36%	100,38%
9	Các khoản thu về nhà, đất	1.041.000.000.000	170.255.261.115	16,35%	80,46%
-	Thuế nhà đất				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10.000.000.000	1.757.021.146	17,57%	163,40%
-	Thu tiền sử dụng đất	981.000.000.000	152.483.003.007	15,54%	75,69%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	50.000.000.000	16.015.236.962	32,03%	176,49%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	54.000.000.000	11.899.665.599	22,04%	134,66%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
13	Thu hưởng thêm				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH QUẬN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	291.025.000.000	97.541.431.017	33,52%	108,29%
1	Từ các khoản thu phân chia	185.670.000.000	44.778.743.479	24,12%	114,54%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	105.355.000.000	52.762.687.538	50,08%	103,50%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUẬN QUÝ 1 NĂM 2019
(Kèm theo Công văn số 468/TC ngày 04 / 4 /2019 của phòng TCKH)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.669.687.000.000	309.557.868.515	18,54%	144,24%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN	1.669.687.000.000	309.557.868.515	18,54%	144,24%
I	Chi đầu tư phát triển	326.455.000.000	126.545.446.417	38,76%	286,65%
1	Chi đầu tư cho các dự án	326.455.000.000	124.674.457.902	38,19%	290,40%
2	Chi đầu tư phát triển khác		1.870.988.515		154,05%
II	Chi thường xuyên	1.317.927.000.000	183.012.422.098	13,89%	107,36%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	694.503.000.000	83.595.649.559	12,04%	111,32%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	113.339.000.000	5.707.360.004	5,04%	96,46%
4	Chi văn hóa thông tin	6.063.000.000	1.541.252.683	25,42%	129,00%
5	Chi phát thanh, truyền hình				
6	Chi thể dục thể thao	2.747.000.000	596.893.019	21,73%	117,15%
7	Chi bảo vệ môi trường	88.209.000.000	4.382.496.250	4,97%	109,56%
8	Chi hoạt động kinh tế	71.201.000.000	4.498.366.973	6,32%	124,64%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	207.933.000.000	36.036.071.867	17,33%	94,18%
10	Chi bảo đảm xã hội	68.661.000.000	28.799.526.000	41,94%	95,79%
III	Dự phòng ngân sách	25.305.000.000			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	0	0		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				